

Bản án số: 298/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2024

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Tiên.

2/ Bà Nguyễn Thị Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yên Hoà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 934/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: B đường T, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Vũ Ngọc L**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: B đường T, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Ngọc T bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Vũ Ngọc L tự nguyện sống

chung với nhau như vợ chồng từ năm 2003 và không có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà không còn hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã mặc dù đã nhiều lần hai vợ chồng nói chuyện để hàn gắn hôn nhân nhưng không thành. Hiện nay, hai vợ chồng bà cũng đã sống ly thân. Nay, bà T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Vũ Ngọc L.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà T và ông L có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phạm Hà T1, sinh ngày 08/9/2008 và Nguyễn Phạm Hà V, sinh ngày 04/4/2016. Bà Phạm Ngọc T yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Vũ Ngọc L cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không.

Tại phiên tòa:

Bà Phạm Ngọc T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ Ngọc L vắng mặt tại phiên Tòa án xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Quận 12 và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự; các đương sự chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Ngọc T với ông Nguyễn Vũ Ngọc L; chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung, bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Ngọc T và ông Nguyễn Vũ Ngọc L tự nguyện chung sống vào năm 2003, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông L, Tòa án nhân dân Quận 12 xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Vũ Ngọc L có nơi cư trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân Quận 12; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thủ tục giải quyết vụ án:

Bà T là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn là ông L đã được Tòa án tổng đạt văn bản tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt đến lần thứ 2 không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc T xác nhận cả hai tự nguyện chung sống vào năm 2003 không có đăng ký kết hôn theo quy định. Xét hôn nhân của bà T và ông L kéo dài từ năm 2003 đến năm 2024 nhưng vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hôn nhân giữa bà T và ông L không được pháp luật thừa nhận.

Theo xác minh tại chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân phường không có hồ sơ liên quan bà Phạm Ngọc T và ông Nguyễn Vũ Ngọc L trình báo về tình trạng hôn nhân có mâu thuẫn hay không. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L lên Tòa án làm việc với mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông L, cũng như phân tích về quy định của pháp luật về việc hai người sống chung với nhau phải có đăng ký kết hôn mới hợp pháp nhưng ông L không tới Tòa án làm việc. Điều này thể hiện rõ ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T, không còn mong muốn cuộc sống hôn nhân với bà T và không mong muốn tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn với bà T theo quy định của pháp luật. Vì vậy, nay bà Phạm Ngọc T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L vì cả hai phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Ngọc T và ông Nguyễn Vũ Ngọc L.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà T và ông L có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Phạm Hà T1, sinh ngày 08/9/2008 và Nguyễn Phạm Hà V, sinh ngày 04/4/2016.

Tại bản tự khai ngày 19/01/2024 của trẻ Nguyễn Phạm Hà T1 và trẻ Nguyễn Phạm Hà V ghi nhận mong muốn của hai bé sau khi ba mẹ ly hôn có nguyện vọng ở chung với mẹ. Để tránh xáo trộn cuộc sống của các trẻ cũng như đáp ứng nguyện vọng của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Phạm Hà T1, sinh ngày 08/9/2008 và trẻ Nguyễn Phạm Hà V, sinh ngày 04/4/2016 cho bà Phạm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Nguyễn Vũ Ngọc L cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T2:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Ngọc T2 và ông Nguyễn Vũ Ngọc L là vợ chồng.

1.2 Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Hà T1, sinh ngày 08/9/2008 và Nguyễn Phạm Hà V, sinh ngày 04/4/2016 cho bà Phạm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Ghi nhận bà Phạm Ngọc T không yêu cầu ông Nguyễn Vũ Ngọc L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Vũ Ngọc L, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì tiến hành thủ tục nộp đơn tại Tòa án có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

Sau khi không được công nhận là vợ chồng, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Ngọc T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0030650 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- CC Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hương

Quận 12, ngày 29 tháng 3 năm 2024.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờphút ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Tại Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.
- Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Nguyễn Văn Tiên.
 2. Bà Nguyễn Thị Thuần.

Tiến hành nghị án vụ án xin ly hôn thụ lý số 934/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Ngọc Trâm.

Bị đơn: Nguyễn Vũ Ngọc Long.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: biểu quyết 3/3 đồng ý quan hệ tranh chấp là: “Xin ly hôn” và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 12 theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về điều luật áp dụng: Biểu quyết 3/3 đồng ý áp dụng các quy định sau để quyết định giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về nội dung quyết định: biểu quyết 3/3 đồng ý:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Trâm:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Ngọc Trâm và ông Nguyễn Vũ Ngọc Long là vợ chồng.

1.2 Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Hà Thy, sinh ngày 08/9/2008 và Nguyễn Phạm Hà Vy, sinh ngày 04/4/2016 cho bà Phạm Ngọc Trâm trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Ghi nhận bà Phạm Ngọc Trâm không yêu cầu ông Nguyễn Vũ Ngọc Long cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Vũ Ngọc Long, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì tiến hành thủ tục nộp đơn tại Tòa án có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

Sau khi không được công nhận là vợ chồng, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Ngọc Trâm phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0030650 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trâm đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm

sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hương

